TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS-ST
Ngày: 28 - 11 - 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tán Nghị

2. Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên toà: Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXXST-DS ngày 21.10.2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2019/QĐST-DS ngày 06.11.2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2019/QĐST-DS ngày 19.11.2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành R - Cán bộ xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02.3.2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V và số 7297/2019/UQ-V ngày 18.9.2019 của Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân); có mặt.

**** Bị đơn:*** Bà Đỗ Nữ Lâm H, sinh năm 1973; địa chỉ: Phòng 7 nhà E, KCC A2 N, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, qúa trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng TMCP V có cho bà Đỗ Nữ Lâm H vay vốn cụ thể như sau:

+ Giấy đề nghị mở tài khoản phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số LD1618201660 ngày 30.6.2016: số tiền vay 100.000.000 đồng, mục đích vay để tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng. Bà H đã trả được 47.533.930 đồng nợ gốc và 43.033.939 đồng nợ lãi. Tính đến ngày 19.11.2019, bà H còn nợ: 52.466.070 đồng nợ gốc và 54.885.234 đồng nợ lãi.

+ Giấy đề nghị mở tài khoản phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số LD1716700383 ngày 16.6.2017: số tiền vay 32.000.000 đồng, mục đích vay để tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng. Bà H đã trả được 7.814.183 đồng nợ gốc và 7.814.835 đồng nợ lãi. Tính đến ngày 19.11.2019, bà H còn nợ: 24.185.817 đồng nợ gốc và 18.234.836 đồng nợ lãi.

+ Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 268-P-633548 ngày 13.3.2017: số tiền vay 50.000.000 đồng, mục đích vay để tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng. Bà H đã trả được 322.453 đồng nợ gốc và 4.007.547 đồng nợ lãi. Tính đến ngày 19.11.2019, bà H còn nợ: 49.677.547 đồng nợ gốc và 36.934.829 đồng nợ lãi.

Tổng dư nợ 03 khoản vay nêu trên tính đến ngày 19.11.2019, bà H còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền 236.384.333 đồng, trong đó: nợ gốc 126.329.434 đồng và nợ lãi 110.054.899 đồng. Ngân hàng cam kết hiện nay khoản nợ của bà H chưa được bán cho bên thứ 3 hoặc Công ty mua bán nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP V, theo đó khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc để yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H vẫn cố tình không trả. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 19.11.2019 là 236.384.333 đồng và nợ lãi từ ngày 20.11.2019 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn do các bên tự thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

** Bị đơn - bà Đỗ Nữ Lâm H trình bày:*

Bà xác nhận lời trình bày của đại diện Ngân hàng về thời gian, nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết là đúng. Tuy nhiên, kể từ khi vay bà đã cố gắng trả nợ cho Ngân hàng TMCP V nhưng vì điều kiện gia đình khó khăn, bà thường xuyên ốm đau, 03 con còn nhỏ, chưa có việc làm nên gián đoạn mấy tháng bà không trả nợ cho Ngân hàng đúng thỏa thuận đã cam kết được.

Bà xác nhận tính đến ngày 19.11.2019 bà còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền 236.384.333 đồng, trong đó: nợ gốc 126.329.434 đồng và nợ lãi 110.054.899 đồng. Bà xin trả dần cho Ngân hàng TMCP V mỗi tháng 2.000.000 đồng. Đề nghị Ngân hàng TMCP V chốt lại số tiền nợ gốc không tính lãi để bà có điều khiện trả hết nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Đỗ Nữ Lâm H về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Buộc bà Đỗ Nữ Lâm H phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tổng số tiền tính đến ngày 19.11.2019 là 236.384.333 đồng, trong đó: nợ gốc 126.329.434 đồng và nợ lãi 110.054.899 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Căn cứ 03 Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử; Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 14.6.2016, 16.6.2017, 13.3.2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP với bà Đỗ Nữ Lâm H thể hiện nội dung: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có bà Đỗ Nữ Lâm H vay vốn, mục đích để tiêu dùng nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Đỗ Nữ Lâm H hiện trú tại: Phòng 7 nhà E, KCC A2 N, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Ngân hàng TMCP V có cho bà Đỗ Nữ Lâm H tổng số tiền 182.000.000 đồng theo 03 lần vay vốn cụ thể như sau:

+ Ngày 14.6.2017 theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số LD1716700383, giải ngân ngày 16.6.2017: số tiền vay 32.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng.

+ Ngày 22.6.2016 theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn số LD1618201660, giải ngân ngày 30.6.2016: số tiền vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa 48 tháng.

+ Ngày 13.3.2017 theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử số 268-P-633548: số tiền vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng.

Quá trình vay vốn, bà H đã trả cho Ngân hàng TMCP V theo 03 khoản vay nêu trên được 110.526.887 đồng, trong đó: 55.670.566 đồng nợ gốc và 54.856.321 đồng nợ lãi. Tính đến ngày 19.11.2019, bà H còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền 236.384.333 đồng, trong đó: nợ gốc 126.329.434 đồng và nợ lãi 110.054.899 đồng. Tại phiên tòa, người được ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V thì thấy mặc dù được Ngân hàng cho vay vốn nhưng bà Đỗ Nữ Lâm H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và các khoản vay nêu trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Nữ Lâm H thanh toán số tiền tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 19.11.2019 là tổng số tiền 236.384.333 đồng, trong đó: nợ gốc 126.329.434 đồng và nợ lãi 110.054.899 đồng. Bà Đỗ Nữ Lâm H xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng và đề nghị Ngân hàng TMCP V chốt lại số tiền nợ gốc không tính lãi để bà có điều khiện trả hết nợ nhưng không được Ngân hàng đồng ý.

Do đó, với các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình cho Tòa án là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm là 11.819.000 đồng, tuy nhiên bà Đỗ Nữ Lâm H thuộc hộ nghèo theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-HN.HCN ngày 06.5.2019 của UBND xã H, huyện H nên bà Đỗ Nữ Lâm H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* của Ngân hàng TMCP V đối với bà Đỗ Nữ Lâm H.

2. Xử:

Buộc bà Đỗ Nữ Lâm H phải trả cho Ngân hàng TMCP tổng số tiền tính đến ngày 19.11.2019 là 236.384.333 đồng, trong đó: nợ gốc 126.329.434 đồng và nợ lãi 110.054.899 đồng.

Kể từ ngày 20.11.2019, bà Đỗ Nữ Lâm H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử; Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 14.6.2016, 16.6.2017, 13.3.2017 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

3. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đỗ Nữ Lâm H.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 4.850.343 đồng (bốn triệu, tám trăm năm mươi nghìn, ba trăm bốn mươi ba đồng) cho Ngân hàng TMCP V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 5731 ngày 13 tháng 5 năm 2019.

4. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diệp